

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1184/STP-BTTP

Kiên Giang, ngày 15 tháng 12 năm 2017

V/v đăng tải Dự thảo Quyết định
ban hành quy định tiêu chí, cách
thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ
thành lập Văn phòng công chứng
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

ĐẾN Số: 1432

Ngày: 22/12/17

Chuyên: Chứng năm

Lưu hồ sơ số: trợ tư pháp

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật công chứng năm 2014, Công văn số 1186/BTTP-CC ngày 17/11/2017 của Cục Bộ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp về việc ban hành Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng và Công văn số 6459/VP-NCPC ngày 01/12/2017 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc xây dựng Quyết định quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Sở Tư pháp đã dự thảo Quyết định ban hành quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Tại Điều 129 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về lấy ý kiến đối với dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “*Cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 120 của Luật này*”. Và theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì “*Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức cá nhân góp ý kiến*”.

Từ quy định nêu trên, Sở Tư pháp đề nghị Sở thông tin và Truyền thông phối hợp đăng tải các văn bản có liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan (*Sở Tư pháp cung cấp Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*).

Sở Tư pháp rất mong sự quan tâm, phối hợp của Quý Sở. *kh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, P.BTTP.

GIÁM ĐỐC



Lâm Minh Công

Số: /TTr-STP

Kiên Giang, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO 2

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định ban hành quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật công chứng năm 2014, Công văn số 1186/BTTP-CC ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Cục Bổ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp về việc ban hành Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003, Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Tư pháp đã phối hợp với các sở, ngành và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 về việc quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 2325/QĐ-UBND*).

Tuy nhiên, đến nay một số nội dung của Quyết định số 2325/QĐ-UBND không phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương như: thời gian công tác pháp luật của công chứng viên; quy định một số trường hợp không được tính điểm xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng; bổ sung thành viên Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ; bỏ quy định về khiếu nại, tố cáo vì đã có luật chuyên ngành riêng... Từ những lý do trên, Sở Tư pháp đã phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 2325/QĐ-UBND chophù hợp với quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 70 Luật Công chứng năm 2014 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: "*Ban hành tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng; quyết định cho phép thành lập, thay đổi và thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng, cho phép chuyển nhượng, hợp nhất, sáp nhập Văn phòng công chứng;*"

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, Cục Bảo trợ tư pháp - Bộ Tư pháp có Công văn số 1186/BTTP-CC về việc ban hành Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng. Công văn số 1186/BTTP-CC nêu rõ: Luật công chứng năm 2014 đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng. Do đó, Tiêu chí xét duyệt, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được ban hành dưới hình thức văn bản Quy phạm pháp luật.

Từ những cơ sở trên, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng, Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cho phù hợp với quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

- Việc ban hành Quyết định để cụ thể hóa quy định của Trung ương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật trong việc thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh phải

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến việc thành lập Văn phòng công chứng và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan xây dựng Dự thảo Quyết định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, như sau:

1. Sở Tư pháp chỉ đạo Phòng chuyên môn xây dựng Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; lấy ý kiến của các phòng, đơn vị có liên quan.

2. Lấy ý kiến của các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đăng tải trên công thông tin của tỉnh và của Sở Tư pháp.

3. Sở Tư pháp tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan; chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

4. Sở Tư pháp tổ chức cuộc họp lấy ý kiến đóng góp của các thành viên trong Hội đồng tư vấn thẩm định theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục:

Dự thảo Quy định gồm 4 Chương, 17 Điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung, gồm 4 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4);

Chương II. Nội dung các tiêu chí và số điểm của từng tiêu chí, gồm 10 Điều (từ Điều 5 đến Điều 14);

Chương III. Cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng, gồm 2 Điều (Điều 15 và Điều 16);

Chương IV. Điều khoản thi hành, gồm 1 điều (Điều 17)

2. Nội dung

- Dự thảo Quyết định áp dụng đối với các công chứng viên có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Nội dung Quyết định quy định về tiêu chí, cách thức thẩm định và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, gồm các tiêu chí: Tiêu chí về vị trí dự kiến đặt trụ sở của Văn phòng công chứng; tiêu chí về trụ sở của Văn phòng công chứng; tiêu chí về tổ chức bố trí, sắp xếp vị trí làm việc trong trụ sở của Văn phòng công chứng; tiêu chí về điều kiện thực hiện các quy định về an ninh trật tự và an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; tiêu chí về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin; tiêu chí về số lượng công chứng viên; tiêu chí về kinh nghiệm của Công chứng viên về chuyên môn nghiệp vụ công chứng của công chứng viên; tiêu chí về nhân sự (bộ phận giúp việc cho Văn phòng công chứng) và một số tiêu chí khác có liên quan.

- Việc thẩm định, xét duyệt và chấm điểm hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng phải được lập thành biên bản và có đầy đủ chữ ký của các thành viên Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng. Hồ sơ được đề nghị xét chọn phải đạt số điểm tối thiểu từ 65 điểm trở lên trong số hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên một đơn vị quy hoạch tại huyện, thị xã hoặc thành phố. Trong trường hợp có nhiều hồ sơ có số điểm bằng nhau, thì hồ sơ đề nghị xét chọn sẽ được thực hiện theo các thứ tự ưu tiên sau đây: Hồ sơ có số điểm về kinh nghiệm của Công chứng viên và số điểm về trụ sở, cơ sở vật chất cao hơn; hồ sơ có số điểm về nhân sự cao hơn; hồ sơ có số điểm về trụ sở của Văn phòng công chứng; hồ sơ có số điểm về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin; hồ sơ có số điểm về số lượng công chứng viên...

- Các nội dung liên quan đến việc thành lập Văn phòng công chứng không được quy định tại Quyết định thì áp dụng theo quy định của Luật công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành đang có hiệu lực pháp luật.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỚI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2325/QĐ-UBND NGÀY 09/10/2015

1. Nguyên tắc thẩm định và xét duyệt hồ sơ (Điều 2)

Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020*” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là quy hoạch nơi phát triển tổ chức hành nghề công chứng. Còn Quyết định này được áp dụng để thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có đủ điều kiện theo tiêu chí để được thành lập Văn phòng công chứng.

Do đó, việc bỏ nội dung “*2. Việc xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng phải phù hợp với Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.*” Tại Điều 2 của Quyết định số 2325/QĐ-UBND là cho phù hợp với toàn nội dung của Quyết định.

2. Trách nhiệm của Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (Điều 3):

“*Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và nộp kèm các giấy tờ chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng*”. Sửa đổi, bổ sung thành “*Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và nộp kèm các giấy tờ chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của pháp luật*” để nội dung được đầy đủ, chặt chẽ hơn và phù hợp với quy định hiện hành.

3. Các tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng (Điều 4)

Để đảm bảo tính chính xác và logic trong việc quy định nội dung tiêu chí và tính tổng số điểm của các tiêu chí, do đó, Sở Tư pháp bổ sung nội dung “*Tổng số điểm của tất cả các tiêu chí nêu trên là 100 điểm*” là phù hợp.

4. Nội dung các tiêu chí và số điểm của từng tiêu chí (từ Điều 5 đến Điều 13)

Theo quy định của Luật công chứng năm 2014 thì Văn bản công chứng có hiệu lực thi hành đối với các bên liên quan và hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ. Công chứng viên chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực, tính hợp pháp của các hợp đồng, giao dịch và của chữ ký người dịch mà mình đã chứng nhận. Do đó, đòi hỏi công chứng viên phải giới về

chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề, đạo đức và ứng xử nghề nghiệp. Đồng thời, góp phần từng bước nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp của hoạt động công chứng trong thời gian tới phù hợp với lộ trình xã hội hoá công chứng với tinh thần xã hội hóa hoạt động công chứng theo Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 20/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 và tình hình thực tiễn trong điều kiện các yêu cầu công chứng trong giao dịch dân sự, thương mại, kinh tế phát triển đa dạng, phong phú, phức tạp... Vì vậy, dự thảo Quyết định có điều chỉnh về số điểm của các tiêu chí theo hướng ưu tiên về kinh nghiệm công chứng viên hơn là tiêu chí về cơ sở vật chất hay trụ sở làm việc của văn phòng..., cụ thể:

- Tiêu chí về vị trí dự kiến đặt trụ sở của Văn phòng công chứng (Điều 5): Dự thảo Quyết định quy định số điểm tối đa cho tiêu chí này là 05 điểm giảm 05 điểm so với Quyết định số 2325/QĐ-UBND.

- Tiêu chí về số lượng Công chứng viên (Điều 10): Dự thảo Quyết định quy định số điểm tối đa cho tiêu chí này là 03 điểm giảm 02 điểm so với Quyết định số 2325/QĐ-UBND.

- Tiêu chí về kinh nghiệm của Công chứng viên về chuyên môn nghiệp vụ công chứng của công chứng viên (*điểm số tính cho mỗi công chứng viên*) tại Điều 11: Dự thảo Quyết định quy định số điểm tối đa cho tiêu chí này là 27 điểm tăng 12 điểm so với Quyết định số 2325/QĐ-UBND.

- Tiêu chí về nhân sự (*bộ phận giúp việc cho Văn phòng công chứng*) tại Điều 12: Dự thảo Quyết định quy định số điểm tối đa cho tiêu chí này là 18 điểm giảm 02 điểm so với Quyết định số 2325/QĐ-UBND.

- Một số tiêu chí khác có liên quan (Điều 13): Dự thảo Quyết định quy định số điểm tối đa cho tiêu chí này là 07 điểm giảm 03 điểm so với Quyết định số 2325/QĐ-UBND.

5. Những trường hợp không được tính điểm (Điều 14)

Đề nội dung của dự thảo Quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan về công chức, viên chức, xử lý vi phạm hành chính, Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Những trường hợp không được tính điểm

1. Cùng một công chứng viên, nhân sự, địa điểm dự kiến đặt trụ sở được nêu tại nhiều Đề án thành lập Văn phòng công chứng trong cùng một đợt tiếp nhận hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng.

2. Công chứng viên là công chức, viên chức thuộc Phòng công chứng đã bị xử lý kỷ luật mà chưa chấm dứt hiệu lực của Quyết định kỷ luật có hiệu lực.

3. Công chứng viên, chuyên viên (nhân viên) nghiệp vụ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

4. Nhân sự có độ tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên đối với nữ và từ đủ 65 tuổi trở lên đối với nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng (trừ Công chứng viên).”.

6. Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ (Điều 15).

Bổ sung thành viên tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ: bổ sung đại diện Phòng Nội chính – Pháp chế (*Văn phòng Ủy ban nhân tỉnh*) làm thành viên để tham gia Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ để tạo thuận lợi, minh bạch trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính đối với thủ tục này.

7. Cách thức chấm điểm (Điều 16)

Tại khoản 3 Điều 16: Để tăng cường tính công khai, minh bạch và khách quan, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý trong quá trình xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng đối với trường hợp có nhiều hồ sơ bằng điểm nhau, do đó, Sở Tư pháp bổ sung thứ tự ưu tiên theo các Tiêu chí được nêu trong Quyết định là phù hợp.

8. Khiếu nại, tố cáo (Điều 17 của Quyết định 2325/QĐ-UBND)

Bỏ Điều 17 về khiếu nại, tố cáo vì khiếu nại, tố cáo đã có luật chuyên ngành quy định.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định ban hành quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Công văn số 1186/BTTP-CC ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Cục Bổ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp; Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và các văn bản góp ý của các cơ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP. UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, P.BTTP.

GIÁM ĐỐC

Số: /2017/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO 2

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số: /TTr-STP ngày tháng năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai và thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2018 và thay thế Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - BTP;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, PNCPC;
- Website tỉnh;
- Sở Tư pháp (03b);
- Đăng công báo;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập
Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2017/QĐ-UBND ngày/...../2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này được áp dụng để thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
- Quy định này áp dụng đối với các công chứng viên có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Nguyên tắc thẩm định và xét duyệt hồ sơ

1. Việc thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo nguyên tắc công khai, khách quan và đúng quy định của pháp luật.
2. Thời hạn thẩm định và xét duyệt hồ sơ được thực hiện theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành đang có hiệu lực pháp luật, văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan
3. Trong một đợt tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, mỗi công chứng viên hoặc nhiều công chứng viên (hợp danh) chỉ được nộp 01 hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng.
4. Mỗi hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng được tính điểm tối đa cho 03 công chứng viên và 04 nhân viên nghiệp vụ công chứng, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên công nghệ thông tin và 01 nhân viên lưu trữ.

Điều 3. Trách nhiệm của Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng

Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và nộp kèm các giấy tờ chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng

- Các tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng bao gồm:

1. Tiêu chí về vị trí dự kiến đặt trụ sở của Văn phòng công chứng.
 2. Tiêu chí về trụ sở của Văn phòng công chứng.
 3. Tiêu chí về tổ chức bố trí, sắp xếp vị trí làm việc trong trụ sở của Văn phòng công chứng.
 4. Tiêu chí về điều kiện thực hiện các quy định về an ninh trật tự và an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ.
 5. Tiêu chí về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin.
 6. Tiêu chí về số lượng công chứng viên.
 7. Tiêu chí về kinh nghiệm của Công chứng viên về chuyên môn nghiệp vụ công chứng của công chứng viên.
 8. Tiêu chí về nhân sự (bộ phận giúp việc cho Văn phòng công chứng).
 9. Một số tiêu chí khác có liên quan.
- Tổng số điểm của tất cả các tiêu chí nêu trên là 100 điểm.

Chương II

NỘI DUNG CÁC TIÊU CHÍ VÀ SỐ ĐIỂM CỦA TỪNG TIÊU CHÍ

Điều 5. Vị trí dự kiến đặt trụ sở của Văn phòng công chứng

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 05 điểm, trong đó:

1. Vị trí đảm bảo khoảng cách hợp lý (tối thiểu 02km trở lên) so với Văn phòng công chứng hiện tại trên địa bàn và theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đạt tối đa 03 điểm.

2. Vị trí thuận lợi cho việc liên hệ của người dân: đạt tối đa 02 điểm.

Điều 6. Về trụ sở của Văn phòng công chứng

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 15 điểm, trong đó:

1. Tổng diện tích sử dụng của trụ sở Văn phòng công chứng được đạt tối đa 10 điểm, trong đó:

- a) Diện tích dưới 100 m² : 0 điểm;
- b) Diện tích từ 100 m² đến dưới 150 m²: đạt tối đa 02 điểm;
- c) Diện tích từ 150 m² đến dưới 200 m²: đạt tối đa 04 điểm;
- d) Diện tích từ 200 m² đến dưới 250 m²: đạt tối đa 06 điểm;
- e) Diện tích từ 250 m² trở lên: đạt tối đa 10 điểm.

2. Về tính pháp lý của trụ sở Văn phòng công chứng được đạt tối đa 05 điểm, trong đó:

a) Trường hợp trụ sở Văn phòng công chứng thuộc sở hữu của Công chứng viên thành lập hoặc của công chứng viên là thành viên hợp danh: đạt tối đa 05 điểm.

b) Trường hợp trụ sở Văn phòng công chứng có hợp đồng thuê, mượn hợp lệ: đạt tối đa 03 điểm, cụ thể:

- Trường hợp trụ sở thuê hoặc mượn có thời gian 5 năm đạt 02 điểm.
- Trường hợp trụ sở thuê hoặc mượn có thời gian trên 5 năm trở lên đạt 03 điểm.

Điều 7. Tổ chức bố trí, sắp xếp vị trí làm việc trong trụ sở của Văn phòng công chứng

Trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng cần được bố trí thành phòng khoa học với diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các đơn vị sự nghiệp; đảm bảo trật tự, an toàn, thuận lợi cho người dân đến giải quyết hồ sơ công chứng được đạt tối đa 10 điểm, cụ thể:

1. Phòng làm việc cho các công chứng viên: đạt tối đa 04 điểm.
2. Phòng làm việc của nhân viên và tiếp người yêu cầu công chứng: đạt tối đa 03 điểm.
3. Kho lưu trữ hồ sơ công chứng: đạt tối đa 02 điểm.
4. Bố trí nhà vệ sinh phù hợp, thuận lợi cho người đến công chứng: đạt tối đa 01 điểm.

Điều 8. Điều kiện thực hiện các quy định về an ninh trật tự và an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 05 điểm, trong đó:

1. Diện tích dành cho khách hàng để xe (không tính diện tích đất thuộc hành lang lộ giới) được đạt tối đa 03 điểm, cụ thể:

- a) Diện tích trên 50 m²: đạt tối đa 03 điểm.
- b) Diện tích từ 50 m² trở xuống: đạt tối đa 02 điểm.
- c) Trường hợp Văn phòng công chứng không bố trí được diện tích dành cho khách hàng để xe: 0 điểm.

2. Địa điểm để giữ xe cho khách hàng thuận lợi, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông: đạt tối đa 01 điểm.

3. Văn phòng công chứng có phương án phòng, chống cháy nổ: đạt tối đa 01 điểm.

Điều 9. Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 10 điểm, trong đó:

1. Có dự kiến trang bị máy tính, máy in; bàn ghế; máy photocopy và máy fax; tủ két sắt; tủ, kệ phục vụ cho việc lưu trữ hồ sơ công chứng và các trang thiết bị cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động của Văn phòng công chứng: đạt tối đa 05 điểm.

2. Có dự kiến kết nối internet và phần mềm quản lý nghiệp vụ kế toán: đạt tối đa 02 điểm.

3. Dự kiến phương án đầu tư trang bị phần mềm quản lý nghiệp vụ về công chứng và kết nối với cơ sở dữ liệu công chứng của Sở Tư pháp: đạt thêm tối đa 03 điểm.

Điều 10. Số lượng Công chứng viên

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 03 điểm, trong đó:

1. Văn phòng công chứng do 02 Công chứng viên thành lập: đạt tối đa 02 điểm.

2. Văn phòng công chứng có từ 03 Công chứng viên trở lên thành lập: đạt tối đa 03 điểm.

Điều 11. Kinh nghiệm của Công chứng viên về chuyên môn nghiệp vụ công chứng của công chứng viên (điểm số tính cho mỗi công chứng viên)

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 27 điểm:

1. Có thời gian công tác pháp luật được đạt tối đa 02 điểm, cụ thể:

a) Trên 07 năm đến dưới 10 năm: đạt 01 điểm.

b) Từ 10 năm trở lên: đạt 02 điểm.

2. Có thời gian công tác liên quan đến nghiệp vụ công chứng từ 03 năm trở lên được đạt tối đa 02 điểm.

3. Công chứng viên đã từng hành nghề công chứng với tư cách Công chứng viên được đạt tối đa 5 điểm, cụ thể:

a) Từ 03 tháng đến dưới 01 năm: đạt 01 điểm.

b) Từ 01 năm đến dưới 03 năm: đạt 02 điểm.

c) Từ 03 năm đến dưới 05 năm: đạt 03 điểm.

d) Từ 05 năm đến dưới 10 năm: đạt 04 điểm.

e) Từ 10 năm trở lên: đạt 05 điểm.

4. Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng, số điểm của mỗi công chứng viên được tính bằng một nửa (1/2) số điểm của mỗi công chứng viên là thành viên hợp danh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 12. Tiêu chí về nhân sự (bộ phận giúp việc cho Văn phòng công chứng)

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 18 điểm:

1. Nhân viên nghiệp vụ công chứng (*là người giúp việc về chuyên môn cho công chứng viên, có trình độ cử nhân luật*) được đạt tối đa 12 điểm, trong đó:

a) Mỗi nhân viên nghiệp vụ công chứng được tính 01 điểm.

b) Mỗi nhân viên nghiệp vụ công chứng nếu có thời gian làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên hoặc đã có Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng: được đạt thêm tối đa 01 điểm

c) Mỗi nhân viên nghiệp vụ công chứng có thời gian công tác nghiệp vụ công chứng (*được tính kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng*) được đạt thêm tối đa 01 điểm, cụ thể:

- Từ 01 năm trở lên đến dưới 03 năm: đạt 0,5 điểm.

- Từ 03 năm trở lên: đạt 01 điểm.

2. Nhân viên phụ trách kế toán được đạt tối đa 02 điểm, trong đó:

a) Nhân viên phụ trách kế toán có bằng đại học chuyên ngành kế toán: đạt 0,5 điểm.

b) Nhân viên phụ trách kế toán đã qua đào tạo bồi dưỡng kế toán trưởng: đạt 0,5 điểm.

c) Nhân viên kế toán có thời gian công tác kế toán: đạt thêm tối đa 01 điểm, cụ thể:

- Dưới 03 năm: đạt 0,5 điểm;

- Từ 03 năm trở lên: đạt 01 điểm.

3. Nhân viên phụ trách công nghệ thông tin được đạt tối đa 02 điểm, trong đó:

a) Có nhân viên công nghệ thông tin: đạt 01 điểm.

b) Nhân viên công nghệ thông tin có thời gian công tác công nghệ thông tin được đạt tối đa 01 điểm, cụ thể:

- Dưới 02 năm: đạt 0,5 điểm.

- Từ 02 năm trở lên: đạt 01 điểm.

c) Nếu Văn phòng công chứng không có nhân viên công nghệ thông tin nhưng có phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động của Văn phòng công chứng: đạt 01 điểm (*trường hợp này không được cộng điểm về thời gian công tác công nghệ thông tin của nhân viên*).

4. Nhân viên phụ trách lưu trữ được đạt tối đa 02 điểm, trong đó:

a) Có nhân viên làm công tác lưu trữ: đạt 01 điểm.

b) Nhân viên lưu trữ có thời gian công tác lưu trữ được đạt tối đa 1 điểm, cụ thể:

- Dưới 02 năm: đạt 0,5 điểm.

- Từ 02 năm trở lên: đạt 01 điểm.

Điều 13. Một số tiêu chí khác có liên quan

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 07 điểm, trong đó:

1. Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng và quy trình lưu trữ chặt chẽ và rõ ràng, đúng quy định của pháp luật được đạt tối đa 05 điểm.

a) Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng chặt chẽ và rõ ràng đúng theo quy định pháp luật: đạt 03 điểm.

b) Xây dựng quy trình lưu trữ chặt chẽ và rõ ràng, đúng theo quy định pháp luật: đạt tối đa 02 điểm.

2. Khả năng quản trị (quản lý) Văn phòng công chứng được đạt tối đa 01 điểm.

a) Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng có bằng cấp hoặc giấy tờ chứng minh đã qua lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản trị: đạt 0,5 điểm.

b) Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng từng có kinh nghiệm quản trị Văn phòng công chứng trên 01 năm: đạt 0,5 điểm.

3. Tính khả thi của Đề án thành lập Văn phòng công chứng được đạt tối đa 01 điểm.

Đề án thể hiện được tính khả thi và đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Công chứng: đạt 01 điểm.

Điều 14. Những trường hợp không được tính điểm

1. Cùng một công chứng viên, nhân sự, địa điểm dự kiến đặt trụ sở được nêu tại nhiều Đề án thành lập Văn phòng công chứng trong cùng một đợt tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

2. Công chứng viên là công chức, viên chức thuộc Phòng công chứng đã bị xử lý kỷ luật mà chưa chấm dứt hiệu lực của Quyết định kỷ luật có hiệu lực.

3. Công chứng viên, nhân viên nghiệp vụ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

4. Nhân sự có độ tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên đối với nữ và từ đủ 65 tuổi trở lên đối với nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng (trừ Công chứng viên).

Chương III

CÁCH THỨC THẨM ĐỊNH VÀ XÉT DUYỆT HỒ SƠ

THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

Điều 15. Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ

Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng. Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ phải có ít nhất là 03 thành viên, trong đó đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp làm Tổ trưởng, thành viên là Phòng nghiệp vụ quản lý công chứng thuộc Sở Tư pháp và đại diện Phòng Nội chính - Pháp chế (Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh).

Các thành viên của Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ làm việc độc lập, căn cứ vào tiêu chí và thang điểm nêu tại chương II của Quy định này để thẩm định, xét duyệt hồ sơ và chấm điểm từng hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

Điều 16. Cách thức chấm điểm

1. Điểm của từng hồ sơ được tính bằng cách lấy điểm chấm của các thành viên của Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ cộng lại và chia cho số lượng thành viên tham gia chấm điểm.

2. Việc thẩm định, xét duyệt và chấm điểm hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng phải được lập thành biên bản và có đầy đủ chữ ký của các thành viên Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

3. Hồ sơ được đề nghị xét chọn phải đạt số điểm tối thiểu từ 65 điểm trở lên trong số hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên một đơn vị quy hoạch huyện, thị xã hoặc thành phố. Trong trường hợp có nhiều hồ sơ có số điểm bằng nhau, thì hồ sơ đề nghị xét chọn sẽ được thực hiện theo các thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Hồ sơ có số điểm về kinh nghiệm của Công chứng viên và số điểm về trụ sở, cơ sở vật chất cao hơn.

b) Hồ sơ có số điểm về nhân sự cao hơn.

c) Tiêu chí về trụ sở của Văn phòng công chứng.

d) Tiêu chí về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin.

đ) Tiêu chí về số lượng công chứng viên.

g) Tiêu chí về tổ chức bố trí, sắp xếp vị trí làm việc trong trụ sở của Văn phòng công chứng.

h) Tiêu chí về điều kiện thực hiện các quy định về an ninh trật tự và an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ.

k) Tiêu chí về vị trí dự kiến đặt trụ sở của Văn phòng công chứng.

l) Một số tiêu chí khác có liên quan.

4. Căn cứ vào kết quả thẩm định, xét duyệt và số điểm của từng hồ sơ, Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

Giao Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Số: ~~1186~~/BTTP-CC

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2017

V/v ban hành Tiêu chí xét duyệt
hồ sơ đề nghị thành lập Văn
phòng công chứng

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang ✓

Trả lời Công văn số 696/STP-BTTP ngày 19/10/2017 của Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang liên quan đến việc ban hành Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, Cục Bộ trợ tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành

Điểm d khoản 1 Điều 70 Luật Công chứng năm 2014 quy định:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý nhà nước về công chứng tại địa phương và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

...

Ban hành Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng...”

Căn cứ quy định nêu trên thì thẩm quyền ban hành Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Về hình thức văn bản

Khoản 1 Điều 3 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định:

“Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện”.

Khoản 1 Điều 28 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định:

“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Căn cứ quy định cho thấy, Luật công chứng năm 2014 đã giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành "Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng". Nội dung của Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng chứa đựng các quy phạm pháp luật (các quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện, phạm vi áp dụng trên địa bàn tỉnh). Do đó, Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng được ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Cục Bổ trợ tư pháp về việc ban hành Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, gửi Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang nghiên cứu, thực hiện bảo đảm việc tham mưu ban hành Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Tiến Dũng (để b/c);
- Vụ Các vấn đề chung về XDPL (để ph/h);
- Lưu: VT, CC.

CỤC TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Yên



Người ký: Văn phòng Ủy
ban Nhân dân
Email:
vpUBND@kiengiang.gov.v
n
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 04.12.2017
10:33:27 +07:00

**UBND TỈNH KIÊN GIANG
VĂN PHÒNG**

Số: 6459/VP-NCPC
V/v xây dựng Quyết định quy định
tiêu chí, cách thức thẩm định và xét
duyet hồ sơ đề nghị thành lập Văn
phòng công chứng trên địa
bàn tỉnh Kiên Giang

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 04 tháng 12 năm 2017



Kính gửi: Giám đốc Sở Tư pháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận được Tờ trình số 1095/TTr-STP ngày 24/11/2017 của Sở Tư pháp, Đề nghị xây dựng Quyết định quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Vũ Hồng có ý kiến chỉ đạo: Chấp thuận đề nghị xây dựng Quyết định quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Giao Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh xây dựng dự thảo Quyết định quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Văn phòng UBND tỉnh xin thông báo ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Vũ Hồng đến Giám đốc Sở Tư pháp biết để thực hiện././. *Thal*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, ntttrng. "HT"

CHÁNH VĂN PHÒNG



Thal
Huỳnh Vĩnh Lạc

Số: 2325/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 03 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ
thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 2250/QĐ-BTP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 3371/TTr-STP ngày 23 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *(Chữ ký)*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - BTP tại TP.HCM;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Tư pháp (03b);
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, vtttrinh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



(Chữ ký)
Lê Văn Thi

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí, cách thức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập
Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 09/10/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng để thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Nguyên tắc thẩm định và xét duyệt hồ sơ

1. Việc thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

2. Việc xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng phải phù hợp với Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

3. Thời hạn thẩm định và xét duyệt hồ sơ được thực hiện theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Trong một đợt tiếp nhận hồ sơ, mỗi công chứng viên hoặc nhiều công chứng viên (hợp danh) chỉ được nộp 01 hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng.

5. Mỗi hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng được tính điểm tối đa cho 03 công chứng viên và 05 chuyên viên (nhân viên) nghiệp vụ.

Điều 3. Trách nhiệm của công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng

Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và nộp kèm các giấy tờ chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng.

Điều 4. Các tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng

Các tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng phải bao gồm:

1. Tiêu chí về vị trí dự kiến đặt trụ sở của Văn phòng công chứng.
2. Tiêu chí về trụ sở của Văn phòng công chứng.



3. Tiêu chí về tổ chức bố trí, sắp xếp vị trí làm việc trong trụ sở của Văn phòng công chứng.

4. Tiêu chí về điều kiện thực hiện các quy định về an ninh trật tự và an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ.

5. Tiêu chí về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin.

6. Tiêu chí về số lượng công chứng viên.

7. Tiêu chí về kinh nghiệm của công chứng viên, về chuyên môn nghiệp vụ công chứng của công chứng viên.

8. Tiêu chí về nhân sự (bộ phận giúp việc cho Văn phòng công chứng).

9. Một số tiêu chí khác có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG CÁC TIÊU CHÍ VÀ SỐ ĐIỂM CỦA TỪNG TIÊU CHÍ

Điều 5. Vị trí dự kiến đặt trụ sở của Văn phòng công chứng

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 10 điểm, trong đó:

1. Vị trí đảm bảo khoảng cách hợp lý (tối thiểu 05km trở lên) so với Văn phòng công chứng hiện tại trên địa bàn và theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Cộng tối đa 07 điểm.

2. Vị trí thuận lợi cho việc liên hệ của người dân, không gây ách tắc giao thông: Cộng tối đa 03 điểm.

Điều 6. Về trụ sở của Văn phòng công chứng

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 15 điểm, trong đó:

1. Tổng diện tích sử dụng của trụ sở Văn phòng công chứng được cộng tối đa 10 điểm, trong đó:

a) Diện tích dưới 100m²: 0 điểm;

b) Diện tích từ 100m² đến dưới 150m²: Cộng tối đa 02 điểm;

c) Diện tích từ 150m² đến dưới 200m²: Cộng tối đa 04 điểm;

d) Diện tích từ 200m² đến dưới 250m²: Cộng tối đa 06 điểm;

e) Diện tích từ 250m² trở lên: Cộng tối đa 10 điểm.

2. Về tính pháp lý của trụ sở Văn phòng công chứng được cộng tối đa 05 điểm, trong đó:

a) Trường hợp trụ sở Văn phòng công chứng thuộc sở hữu của Công chứng viên thành lập hoặc của công chứng viên là thành viên hợp danh: Cộng tối đa 05 điểm.

b) Trường hợp trụ sở Văn phòng công chứng có hợp đồng thuê, mượn hợp lệ: Cộng tối đa 02 điểm, cụ thể:

- Trường hợp trụ sở thuê hoặc mượn có thời gian 05 năm đạt 01 điểm.

- Trường hợp trụ sở thuê hoặc mượn có thời gian từ 05 năm trở lên đạt 02 điểm.

Điều 7. Tổ chức bố trí, sắp xếp vị trí làm việc trong trụ sở của Văn phòng công chứng

Trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng cần được bố trí thành phòng khoa học, đảm bảo trật tự, an toàn, thuận lợi cho người dân đến giải quyết hồ sơ công chứng được cộng tối đa 10 điểm, cụ thể:

1. Phòng làm việc cho công chứng viên: Cộng tối đa 04 điểm.

2. Phòng làm việc của nhân viên và tiếp người yêu cầu công chứng: Cộng tối đa 03 điểm.

3. Kho lưu trữ hồ sơ công chứng: Cộng tối đa 02 điểm.

4. Bố trí nhà vệ sinh phù hợp, thuận lợi cho người đến công chứng: Cộng tối đa 01 điểm.

Điều 8. Điều kiện thực hiện các quy định về an ninh trật tự và an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 05 điểm, trong đó:

1. Diện tích dành cho khách hàng để xe (không tính diện tích đất thuộc hành lang lộ giới): Cộng tối đa 03 điểm, cụ thể:

a) Diện tích trên 50m²: Cộng tối đa 03 điểm.

b) Diện tích từ dưới 50m²: Cộng tối đa 02 điểm.

c) Trường hợp Văn phòng công chứng không bố trí được diện tích dành cho khách hàng để xe: 0 điểm.

2. Địa điểm để giữ xe cho khách hàng thuận lợi, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông: Cộng tối đa 01 điểm.

3. Văn phòng công chứng có phương án phòng, chống cháy nổ: Cộng tối đa 01 điểm.

Điều 9. Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 10 điểm, trong đó:

1. Có dự kiến trang bị máy tính, máy in; bàn ghế; máy photocopy và máy fax; tủ két sắt; tủ, kệ phục vụ cho việc lưu trữ hồ sơ công chứng và các trang thiết bị cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động của Văn phòng công chứng: Cộng tối đa 05 điểm.

2. Có dự kiến kết nối internet và phần mềm quản lý nghiệp vụ, quản lý kế toán: Cộng tối đa 02 điểm.

3. Dự kiến phương án đầu tư trang bị phần mềm quản lý nghiệp vụ về công chứng, kế toán và kết nối với cơ sở dữ liệu công chứng của Sở Tư pháp sẽ được cộng thêm tối đa 03 điểm.

Điều 10. Số lượng công chứng viên

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 05 điểm, trong đó:

1. Văn phòng công chứng do 02 công chứng viên thành lập: Cộng tối đa 04 điểm.

2. Văn phòng công chứng có từ 03 công chứng viên trở lên thành lập: Cộng tối đa 05 điểm.

Điều 11. Kinh nghiệm của công chứng viên về chuyên môn nghiệp vụ công chứng của công chứng viên

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 15 điểm:

1. Có thời gian công tác pháp luật được cộng tối đa 02 điểm, cụ thể:

a) Trên 02 năm đến dưới 05 năm: Cộng 01 điểm.

a) Từ 05 năm trở lên: Cộng 02 điểm.

2. Có thời gian công tác liên quan đến nghiệp vụ công chứng từ 03 năm trở lên được cộng tối đa 03 điểm.

3. Công chứng viên đã từng hành nghề công chứng với tư cách công chứng viên được cộng tối đa 05 điểm, cụ thể:

a) Từ 03 tháng đến dưới 01 năm: Cộng 01 điểm.

b) Từ 01 năm đến dưới 03 năm: Cộng 02 điểm.

c) Từ 03 năm đến dưới 05 năm: Cộng 03 điểm.

d) Từ 05 năm đến dưới 10 năm: Cộng 04 điểm.

e) Từ 10 năm trở lên: Cộng 05 điểm.

4. Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng, số điểm của mỗi công chứng viên được tính bằng một nửa số điểm của mỗi công chứng viên là thành viên hợp danh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 12. Tiêu chí về nhân sự (bộ phận giúp việc cho Văn phòng công chứng)

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 20 điểm:

1. Chuyên viên (nhân viên) nghiệp vụ công chứng được cộng tối đa 03 điểm, trong đó:

a) Mỗi chuyên viên (nhân viên) nghiệp vụ được tính 01 điểm.

b) Mỗi chuyên viên (nhân viên) nghiệp vụ công chứng nếu có thời gian làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên hoặc đã có Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng được cộng thêm tối đa 02 điểm.

c) Mỗi chuyên viên (nhân viên) nghiệp vụ công chứng có thời gian công tác nghiệp vụ công chứng (kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng) được cộng thêm tối đa 02 điểm, cụ thể:

- Từ 01 năm trở lên đến dưới 03 năm: Cộng 01 điểm.

- Từ 03 năm trở lên: Cộng 02 điểm.

2. Chuyên viên (nhân viên) phụ trách kế toán được cộng tối đa 03 điểm, trong đó:

a) Nhân viên phụ trách kế toán có bằng trung cấp chuyên ngành kế toán: Cộng 01 điểm.

b) Nhân viên phụ trách kế toán có bằng cao đẳng chuyên ngành kế toán: Cộng 02 điểm.

c) Nhân viên phụ trách kế toán có bằng đại học chuyên ngành kế toán: Cộng 03 điểm.

d) Nhân viên phụ trách kế toán đã qua đào tạo bồi dưỡng kế toán trưởng: Cộng 04 điểm.

e) Nhân viên kế toán có thời gian công tác kế toán: cộng thêm tối đa 02 điểm, cụ thể:

- Dưới 03 năm: Cộng 01 điểm;

- Từ 03 năm trở lên: Cộng 02 điểm.

3. Chuyên viên (nhân viên) phụ trách công nghệ thông tin được cộng tối đa 03 điểm, trong đó:

a) Có nhân viên công nghệ thông tin: Cộng 01 điểm.

b) Nhân viên công nghệ thông tin có thời gian công tác công nghệ thông tin được cộng tối đa 02 điểm, cụ thể:

- Dưới 02 năm: Cộng 01 điểm.

- Từ 02 năm trở lên: Cộng 02 điểm.

c) Nếu Văn phòng công chứng không có nhân viên công nghệ thông tin nhưng có phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động của Văn phòng công chứng: Cộng 01 điểm.

4. Chuyên viên (nhân viên) phụ trách lưu trữ được cộng tối đa 02 điểm, trong đó:

a) Có nhân viên làm công tác lưu trữ: Cộng 01 điểm.

b) Nhân viên lưu trữ có thời gian công tác lưu trữ được cộng thêm tối đa 01 điểm, cụ thể:

- Dưới 02 năm: Cộng 0,5 điểm.

- Từ 02 năm trở lên: Cộng 01 điểm.

Điều 13. Một số tiêu chí khác có liên quan

Số điểm tối đa cho tiêu chí này là 10 điểm, trong đó:

1. Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng và quy trình lưu trữ rõ ràng và chặt chẽ đúng quy định của pháp luật được cộng tối đa 05 điểm.

a) Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng chặt chẽ và rõ ràng đúng theo quy định pháp luật: Cộng 03 điểm.

b) Xây dựng quy trình lưu trữ chặt chẽ và rõ ràng đúng theo quy định pháp luật: Cộng tối đa 02 điểm.

2. Khả năng quản trị (quản lý) Văn phòng công chứng được cộng tối đa 02 điểm.

a) Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng có bằng cấp hoặc giấy tờ chứng minh đã qua lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản trị: Cộng 01 điểm.

b) Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng từng có kinh nghiệm quản trị Văn phòng công chứng trên 01 năm: Cộng 02 điểm.

3. Tính khả thi của Đề án thành lập Văn phòng công chứng được cộng tối đa 03 điểm.

Đề án thể hiện được tính khả thi và đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Công chứng: Cộng 03 điểm.

Điều 14. Những trường hợp không được tính điểm

1. Cùng một công chứng viên, nhân sự, địa điểm dự kiến đặt trụ sở được nêu tại nhiều Đề án thành lập Văn phòng công chứng trong cùng một đợt tiếp nhận hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng.

2. Công chứng viên, chuyên viên (nhân viên) nghiệp vụ đã từng bị xử lý kỷ luật trong quá trình công tác, bị xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực hỗ trợ tư pháp trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

3. Nhân sự có độ tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên đối với nữ và từ đủ 65 tuổi trở lên đối với nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng (trừ công chứng viên).

Chương III

CÁCH THỨC THẨM ĐỊNH VÀ XÉT DUYỆT HỒ SƠ THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

Điều 15. Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ

Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập tổ thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng. Tổ thẩm định hồ sơ phải có ít nhất là 03 thành viên, trong đó đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp làm tổ trưởng, thành viên là Phòng nghiệp vụ quản lý công chứng thuộc Sở Tư pháp.

Các thành viên của Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ làm việc độc lập, căn cứ vào tiêu chí và thang điểm nêu tại Chương II của Quy định này để thẩm định, xét duyệt hồ sơ và chấm điểm từng hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

Điều 16. Cách thức chấm điểm

1. Điểm của từng hồ sơ được tính bằng cách lấy điểm chấm của các thành viên cộng lại và chia cho số lượng thành viên tham gia chấm điểm.

2. Việc thẩm định, xét duyệt và chấm điểm hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng phải được lập thành biên bản và có đầy đủ chữ ký của các thành viên Tổ thẩm định và xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng.

3. Hồ sơ được đề nghị xét chọn phải đạt số điểm tối thiểu từ 65 điểm trở lên trong số hồ sơ xin thành lập Văn phòng công chứng trên một đơn vị quy hoạch huyện, thị xã hoặc thành phố. Trong trường hợp có nhiều hồ sơ có số điểm bằng nhau thì hồ sơ đề nghị xét chọn sẽ được thực hiện theo các thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Hồ sơ có số điểm về kinh nghiệm của công chứng viên và số điểm về trụ sở, cơ sở vật chất cao hơn.

b) Hồ sơ có số điểm chất lượng nhân sự (chuyên viên hoặc nhân viên) giúp việc cao hơn.

4. Căn cứ vào kết quả thẩm định, xét duyệt và số điểm của từng hồ sơ, Giám đốc Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Khiếu nại, tố cáo

1. Người nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có quyền khiếu nại về việc từ chối cho phép thành lập Văn phòng công chứng khi có căn cứ cho rằng việc từ chối đó là trái với Quy định này.

Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Người nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm pháp luật và Quy định này.

Việc giải quyết tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh thì các tổ chức, cá nhân, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để xem xét việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo quy định của pháp luật. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Văn Thi

